

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2020 - 16/10/2020 to 21/10/2020

Results - CHIEU NGAY 3

Event 315 Men 100 LC Meter Backstroke

KLQG: 54.98 # 12/2019		Le Nguyen Paul		An Giang		
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points	
A - Final						
1	Tran Duy, Khoi	23	TP Ho Chi Minh	1:00.49	56.86	
2	Tran Hung, Nguyen	17	Quan Doi	1:01.05	58.56	
3	Cao Van, Dung	17	Ha Noi	59.83	59.25	
4	Nguyen Ngoc, Trien	23	Hai Phong	1:01.37	59.50	
5	Vo Tri, Trung	16	An Giang	1:01.66	59.80	
6	Truong Viet, Vu	16	TP Ho Chi Minh	1:01.62	1:01.01	
7	Tran Dinh, Thanh	20	Da Nang	1:02.62	1:02.78	
8	Le Van, Hung	15	Long An	1:02.99	1:04.22	

Event 316 Women 100 LC Meter Backstroke

KLQG: 1:01.89 # 8/2017		Nguyen Thi Anh Vien		Quan Doi		
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points	
A - Final						
1	Nguyen T, Anh Vien	24	Quan Doi	1:07.74	1:04.91	
2	Nguyen Diep, Phuong Tram	19	TP Ho Chi Minh	1:10.48	1:06.98	
3	Pham Thi, Van	15	Thanh Hoa	1:10.19	1:07.44	
4	Pham Ng, Nhu Y	13	TT HL TT QG Can Tho	1:09.78	1:07.99	
5	Tran T, Hong Gam	15	Long An	1:10.70	1:09.35	
6	Dang Hoang, Bao Tien	15	TP Ho Chi Minh	1:11.59	1:10.87	
7	Le T, Thuy Trang	12	Da Nang	1:13.03	1:13.83	
8	Le T, Thanh Van	16	Hai Duong	1:13.74	1:14.60	

Event 317 Men 100 LC Meter Butterfly

KLQG: 53.07 # 11/2011		Hoang Quy Phuoc		Da Nang		
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points	
A - Final						
1	Hoang Quy, Phuoc	27	Da Nang	56.44	54.92	
2	Ho Ng, Duy Khoa	15	Quan Doi	58.02	55.48	
3	Huynh Man, Dat	19	Long An	57.73	56.04	
4	Ngo Dinh, Chuyen	19	Quang Ninh	57.94	56.21	
5	Nguyen Hoang, Khang	17	Vinh Long	58.50	56.48	
6	Nguyen Quoc, Khai Hoan	17	Da Nang	58.57	58.24	
7	Nguyen Van, Hai	17	Ha Noi	58.79	58.35	
8	Phuong Duc, Binh	17	Ha Noi	59.17	59.11	

Event 318 Women 100 LC Meter Butterfly

KLQG: 1:00.69 # 6/2014		Nguyen Thi Anh Vien		Quan Doi		
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points	
A - Final						
1	Le Thi, My Thao	24	Binh Phuoc	1:06.18	1:01.24	
2	Nguyen T, Anh Vien	24	Quan Doi	1:04.88	1:02.27	
3	Tran Ngoc, Thi	17	TP Ho Chi Minh	1:07.80	1:03.31	
4	Le T, Thanh Van	16	Hai Duong	1:07.00	1:04.66	
5	Pham Ng, Nhu Y	13	TT HL TT QG Can Tho	1:06.03	1:05.17	
6	Ton Nu, My Ngoc	17	Da Nang	1:06.74	1:06.05	

GIAI BOI VO DICH QUOC GIA NAM 2020 - 16/10/2020 to 21/10/2020

Results - CHIEU NGAY 3

Event 319 Men 400 LC Meter Freestyle

KLQG: 3:48.85 # 10/2018

Nguyen Huy Hoang

Quang Binh

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
A - Final					
1 Nguyen Huy, Hoang	20	Quang Binh	4:03.55	3:49.97	
2 Tran Hung, Nguyen	17	Quan Doi	4:07.30	3:53.52	
3 Nguyen Huu, Kim Son	18	Da Nang	4:11.07	3:54.75	
4 Tran Tan, Trieu	22	Long An	4:11.43	3:54.95	
5 Bui Huu, Hieu	16	Can Tho	4:07.53	3:57.96	
6 Nguyen Viet, Tuong	16	Da Nang	4:08.38	4:00.72	
7 Le Do Gia, Khang	15	TP Ho Chi Minh	4:08.95	4:07.20	
8 Truong Viet, Vu	16	TP Ho Chi Minh	4:10.89	4:10.45	

Event 320 Women 1500 LC Meter Freestyle

KLQG: 16:28.18 # 5/2017

Nguyen Thi Anh Vien

Quan Doi

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Nguyen T, Anh Vien	24	Quan Doi	16:50.00	17:12.16	
2 Vo T, My Tien	15	Long An	17:30.00	17:36.22	
3 Le Thu, Thuy	13	Dong Nai	17:50.00	17:42.89	
4 Dang Ai, My	14	An Giang	17:30.00	17:43.93	
5 Do Ngoc, Que Tran	16	Long An	17:10.00	18:05.11	
--- Le Nguyen, Khang	14	Quan Doi	NT	X17:46.85	
--- Tran T, Hong Gam	15	Long An	NT	X17:51.76	
--- Duong Van, Hoang Quy	11	TT HL TT QG Ho Chi Minh	NT	X18:10.23	
--- Ng Tran, Minh Luan	13	Quan Doi	NT	X18:16.63	
--- Vo Van, Nhat	13	Quan Doi	NT	X19:06.54	
--- Bui Huu, Loc	13	Quan Doi	NT	XDQ	

Event 321 Mixed 4x100 LC Meter Medley Relay

KLQG: 4:02.23 # 03/12/2018

TP Ho Chi Minh

HCM

K Tran Duy, P Vu T, J Luong, P Nguyen D

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
1 TP Ho Chi Minh	A	NT	4:07.92	
1) Tran Duy, Khoi M23	2) Le Hoang Minh, An M19	3) Tran Ngoc, Thi W17	4) Nguyen Diep, Phuong Tram W17	
2 Long An	A	NT	4:13.37	
1) Tran T, Hong Gam W15	2) Vo T, My Tien W15	3) Huynh Man, Dat M19	4) Tran Tan, Trieu M22	
3 Quan Doi	A	NT	4:13.72	
1) Mai Tran, Tuan Anh M14	2) Le Thanh, Duoc M16	3) Nguyen T, Dieu Linh W23	4) Nguyen T, Bich Ngoc W16	
4 An Giang	A	NT	4:19.99	
1) Vo Tri, Trung M16	2) Ha Thi, Kieu My W12	3) Ngo Phuoc, Tan M19	4) Dang Ai, My W14	
5 Da Nang	A	NT	4:24.71	
1) Ngo Tuan, Lam M15	2) Tran Dinh, Tau M17	3) Le T, Thuy Trang W12	4) Nguyen T, Huong Giang W15	
6 Hai Phong	A	NT	4:28.92	
1) Nguyen Ngoc, Trien M23	2) Phung Ngoc, My W18	3) Do Chien, Thang M19	4) Tran Ha, Trang W19	